

DANH MỤC TÀI SẢN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ
(Đính kèm Thông báo số 12884/TB-PTH ngày 08 /10/2026 của Thuế tỉnh Phú Thọ)

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
1	2	3	4	5	6	7
1	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	1	2018	8.206.000	50.000
2	Đồng hồ mạng	Cái	2	2016	7.383.200	40.000
3	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	1.450.000	20.000
4	LG HD SL Modem	Cái	1	2008	12.531.750	20.000
5	Máy tính để bàn HP 600 G1	Cái	1	2016	16.998.300	80.000
6	Máy hủy tài liệu New United	Cái	1	2018	5.000.000	80.000
7	Máy scan HP Pro 2000S2	Cái	1	2022	9.990.000	80.000
8	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	1	2021	1.328.500	20.000
9	Bàn công chức mới KT 1600x800x750	Cái	1	2022	2.022.000	50.000
10	Bộ bàn ghế trường phòng nâu	Cái	1	2017	6.500.000	100.000
11	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	1.450.000	20.000
12	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	1.450.000	20.000
13	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	1.450.000	20.000
14	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	1.450.000	20.000
15	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
16	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
17	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
18	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
19	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
20	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
21	Máy scan HP Pro 2000S2	Cái	1	2022	9.990.000	80.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
22	Bàn vàng KT: D1200xR500xC750 (mm)	Cái	1	2021	4.262.300	50.000
23	Ghế gỗ bếp ăn	Cái	1	2017	2.150.000	20.000
24	Ghế gỗ bếp ăn	Cái	1	2017	2.150.000	20.000
25	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
26	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
27	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
28	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
29	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
30	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
31	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
32	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
33	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
34	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
35	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
36	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
37	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
38	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
39	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
40	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
41	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
42	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
43	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
44	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
45	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
46	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
47	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.192.200	20.000
48	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.424.700	20.000
49	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.424.700	20.000
50	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ có tay	Cái	1	2021	5.424.700	20.000
51	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
52	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
53	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
54	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
55	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
56	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
57	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
58	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
59	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
60	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
61	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
62	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
63	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
64	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
65	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
66	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
67	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
68	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
69	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
70	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
71	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
72	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
73	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
74	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
75	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
76	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
77	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
78	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
79	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
80	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
81	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
82	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
83	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
84	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
85	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
86	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
87	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
88	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
89	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
90	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
91	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
92	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
93	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
94	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
95	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
96	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
97	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
98	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
99	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
100	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
101	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
102	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
103	Ghế quay bọc da đen (công chức mới)	Cái	1	2021	1.860.000	20.000
104	Bàn ghế tiếp khách vàng	Cái	1	2015	29.448.300	50.000
105	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	1	2018	8.206.000	50.000
106	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	1	2018	8.206.000	50.000
107	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	1	2018	8.206.000	50.000
108	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	1	2018	8.206.000	50.000
109	Cục nóng, lạnh điều hòa LG 48000BTU/h	Cái	1	2013	78.100.000	60.000
110	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
111	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
112	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
113	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
114	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
115	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
116	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
117	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
118	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
119	Đèn bảo vệ	Cái	1	2023	1.750.000	10.000
120	Điều hòa carrier 18000BTU	Cái	1	2016	25.108.967	60.000
121	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
122	Ghế gỗ hội trường bọc gấm đỏ không tay KT: R490xS490xC1120 (mm)	Cái	1	2021	2.048.100	20.000
123	Ghế hội trường (không tay) KT: R450xS450xC1070(mm) - màu vàng	Cái	1	2021	1.970.600	20.000
124	Ghế quay bọc da đen (công chức mới)	Cái	1	2021	1.860.000	20.000
125	Ghế quay bọc da đen (công chức mới)	Cái	1	2021	1.800.000	20.000
126	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	2.300.000	20.000
127	Ghế quay lưới đen nhỏ 190	Cái	1	2016	2.300.000	20.000
128	Giường 1,2m	Cái	1	2016	8.200.000	70.000
129	Giường 1,2m	Cái	1	2016	8.200.000	70.000
130	Giường 1,6m	Cái	1	2016	8.200.000	70.000
131	Kệ tivi	Cái	1	2021	3.063.181	10.000
132	Kệ tivi	Cái	1	2021	3.063.181	10.000
133	Máy chiếu (máy + màn) EPSON EB2065	Cái	1	2017	42.000.000	300.000
134	Máy chiếu (máy + màn) EPSON EB2065	Cái	1	2017	42.000.000	300.000
135	Máy hủy tài liệu	Cái	1	2016	4.600.000	80.000
136	Máy photocopy Canon 6565i	Cái	1	2017	#####	1.300.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
137	Máy photocopy Canon 6565i	Cái	1	2017	#####	1.300.000
138	Micro không dây Shure	Cái	1	2016	3.600.700	10.000
139	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2022	2.697.000	30.000
140	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2020	2.697.000	30.000
141	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2017	2.697.000	30.000
142	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2017	2.697.000	30.000
143	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2017	2.697.000	30.000
144	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	1	2017	2.697.000	30.000
145	Thiết bị chống trộm Risco	Cái	1	2022	3.950.000	10.000
146	Thiết bị chống trộm Risco	Cái	1	2022	3.950.000	10.000
147	Tivi Panasonic 32"	Cái	1	2023	7.500.000	100.000
148	Tivi Panasonic 32"	Cái	1	2023	7.500.000	100.000
149	Tivi Sony 40"	Cái	1	2016	10.700.000	150.000
150	Tivi Sony 40"	Cái	1	2016	9.794.000	150.000
151	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	2016	8.300.000	300.000
152	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	2016	8.300.000	300.000
153	Tủ gỗ 2 cánh	Cái	1	2016	8.300.000	300.000
154	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
155	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
156	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
157	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
158	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000
159	Ghế văn phòng	Cái	1	2016	1.550.000	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
160	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
161	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
162	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
163	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
164	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
165	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
166	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
167	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
168	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
169	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
170	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
171	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
172	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
173	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
174	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
175	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
176	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
177	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
178	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
179	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
180	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
181	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
182	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
183	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
184	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
185	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
186	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
187	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
188	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
189	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
190	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
191	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
192	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
193	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
194	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
195	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
196	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
197	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
198	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
199	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
200	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
201	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
202	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
203	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
204	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
205	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
206	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
207	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
208	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
209	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
210	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
211	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
212	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
213	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
214	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
215	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
216	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
217	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
218	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
219	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
220	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
221	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
222	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
223	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
224	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
225	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
226	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
227	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
228	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
229	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
230	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
231	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
232	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
233	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
234	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
235	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
236	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
237	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
238	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
239	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
240	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
241	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
242	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
243	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
244	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
245	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
246	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
247	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
248	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
249	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
250	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
251	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
252	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
253	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
254	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
255	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
256	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
257	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
258	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
259	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
260	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
261	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
262	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
263	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
264	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
265	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
266	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
267	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
268	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
269	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
270	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
271	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
272	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
273	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
274	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
275	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
276	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
277	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
278	Tủ lưu trữ tài liệu (hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
279	Tủ lưu trữ tài liệu (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
280	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
281	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
282	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
283	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
284	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
285	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
286	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
287	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
288	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
289	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
290	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
291	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
292	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
293	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
294	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
295	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
296	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
297	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
298	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
299	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
300	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
301	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
302	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
303	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
304	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
305	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
306	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
307	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
308	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
309	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
310	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
311	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
312	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
313	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
314	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
315	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
316	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
317	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
318	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
319	Tủ tài liệu lưu trữ (Hệ thống điều khiển điện tử thông minh) - 22 tủ	m2	1	2018	21.300.000	150.000
320	Ghế pho phòng bọc gấm vàng	Cái	2	-	-	40.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
321	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	1	-	-	20.000
322	Máy hút bụi Hiclean	Cái	1	-	-	80.000
323	Bàn phó phòng nâu	Cái	2	-	-	100.000
324	Bàn phó phòng nâu	Cái	1	-	-	50.000
325	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	8	-	-	160.000
326	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	6	-	-	120.000
327	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	3	-	-	60.000
328	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	2	-	-	40.000
329	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
330	Ghế trưởng phòng gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
331	Ghế trưởng phòng gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
332	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
333	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
334	Bàn phó phòng nâu	Cái	1	-	-	50.000
335	Bàn phó phòng nâu	Cái	1	-	-	50.000
336	Bàn phó phòng nâu	Cái	1	-	-	50.000
337	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	1	-	-	20.000
338	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	2	-	-	40.000
339	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	1	-	-	20.000
340	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
341	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
342	Ghế trưởng phòng gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
343	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
344	Máy hủy tài liệu Silicon	Cái	1	-	-	80.000
345	Bộ bàn ghế phó phòng nâu	Cái	1	-	-	100.000
346	Bộ thiết bị âm thanh	Cái	1	-	-	100.000
347	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
348	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	1	-	-	20.000
349	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
350	Bàn gỗ đỏ	Cái	2	-	-	100.000
351	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
352	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
353	Bàn gỗ hội trường KT D2500xR500xC750	Cái	2	-	-	100.000
354	Bàn gỗ hội trường KT D2500xR500xC750	Cái	22	-	-	1.100.000
355	Bàn gỗ hội trường KT D2500xR500xC750	Cái	1	-	-	50.000
356	Bàn gỗ hội trường KT D2500xR500xC750	Cái	1	-	-	50.000
357	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	1	-	-	50.000
358	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	2	-	-	100.000
359	Bàn Xuân Hòa	Cái	3	-	-	150.000
360	Bàn Xuân Hòa	Cái	1	-	-	50.000
361	Bàn Xuân Hòa	Cái	7	-	-	350.000
362	Bộ thiết bị âm thanh (4 loa+1 âm ly)	Cái	1	-	-	300.000
363	Camera trực tuyến	Cái	1	-	-	20.000
364	Cây nước nóng lạnh Kangaroo	Cái	3	-	-	150.000
365	Đệm 1,2 m	Cái	1	-	-	80.000
366	Đệm 1,2 m	Cái	2	-	-	160.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
367	Ghế băng INOX	Cái	6	-	-	480.000
368	Ghế gỗ đỏ	Cái	5	-	-	100.000
369	Ghế gỗ hội trường (CS2 cũ)	Cái	1	-	-	20.000
370	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	60	-	-	1.200.000
371	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	2	-	-	40.000
372	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	1	-	-	20.000
373	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	2	-	-	40.000
374	Ghế phó phòng bọc gấm vàng	Cái	17	-	-	340.000
375	Ghế trưởng phòng gấm vàng	Cái	5	-	-	100.000
376	Ghế xoay da Hòa phát	Cái	1	-	-	20.000
377	Giường 1,2m	Cái	1	-	-	70.000
378	Giường 1,2m	Cái	2	-	-	140.000
379	Giường 1,2m	Cái	3	-	-	210.000
380	Giường 1,2m	Cái	1	-	-	70.000
381	Hộc gỗ	Cái	1	-	-	20.000
382	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	1	-	-	20.000
383	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	1	-	-	20.000
384	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	2	-	-	40.000
385	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	2	-	-	40.000
386	Loa kéo	Cái	1	-	-	50.000
387	Máy đánh giày	Cái	1	-	-	80.000
388	Máy hút ẩm Aikyo	Cái	1	-	-	80.000
389	Máy hút ẩm Aikyo	Cái	2	-	-	160.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
390	Máy hút ẩm Parakoo	Cái	1	-	-	80.000
391	Máy hút bụi	Cái	1	-	-	80.000
392	Máy hút bụi Hiclean	Cái	1	-	-	80.000
393	Máy hủy tài liệu HSM	Cái	3	-	-	240.000
394	Máy hủy tài liệu New United	Cái	4	-	-	320.000
395	Máy hủy tài liệu Silicon	Cái	1	-	-	80.000
396	Máy in A3 8780 canon	Cái	1	-	-	80.000
397	Máy lọc không khí Chigo 10L	Cái	2	-	-	160.000
398	Ổn áp Lioa 10.000	Cái	1	-	-	50.000
399	Quạt cây điều khiển Vinawin	Cái	4	-	-	120.000
400	Quạt cây điều khiển Vinawin	Cái	2	-	-	60.000
401	Quạt điện cơ	Cái	1	-	-	30.000
402	Tivi Panasonic 32"	Cái	2	-	-	200.000
403	Tivi Panasonic 32"	Cái	1	-	-	100.000
404	Tủ gỗ 4 cánh KT R2200xC2150XS600	Cái	1	-	-	300.000
405	Tủ kính sắt	Cái	1	-	-	240.000
406	Tủ sắt	Cái	2	-	-	600.000
407	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000
408	Tủ sắt đặc trắng đựng tài liệu (4 cánh 8 ngăn)	Cái	1	-	-	300.000
409	Tủ sắt trắng	Cái	1	-	-	300.000
410	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
411	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	2	-	-	40.000
412	Tủ kính sắt	Cái	2	-	-	480.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
413	Bàn hội trường (CS2 cũ)	Cái	20	-	-	1.000.000
414	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	-	-	20.000
415	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	2	-	-	40.000
416	Ghế gỗ đen không tay cũ	Cái	32	-	-	640.000
417	Ghế gỗ đỏ	Cái	3	-	-	60.000
418	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	-	-	20.000
419	Thiết bị chống trộm Risco	Cái	1	-	-	10.000
420	Tủ kính sắt	Cái	1	-	-	240.000
421	Tủ kính sắt	Cái	1	-	-	240.000
422	Tủ sắt	Cái	2	-	-	600.000
423	Tủ sắt	Cái	2	-	-	600.000
424	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
425	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
426	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
427	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
428	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
429	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
430	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
431	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
432	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
433	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
434	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	1	-	-	50.000
435	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	1	-	-	50.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
436	Bàn Xuân Hòa đế sắt	Cái	1	-	-	100.000
437	Ghế gỗ đỏ	Cái	1	-	-	20.000
438	Ghế gỗ đỏ	Cái	1	-	-	20.000
439	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	-	-	20.000
440	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	-	-	20.000
441	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	1	-	-	20.000
442	Quạt cây điều khiển Vinawin	Cái	1	-	-	30.000
443	Quạt cây điều khiển Vinawin	Cái	1	-	-	30.000
444	Tủ kính sắt	Cái	4	-	-	960.000
445	Tủ kính sắt	Cái	14	-	-	3.360.000
446	Tủ sắt	Cái	3	-	-	900.000
447	Tủ sắt	Cái	2	-	-	600.000
448	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000
449	Bàn gỗ đỏ	Cái	6	-	-	300.000
450	Bàn Xuân Hòa đế sắt	Cái	1	-	-	100.000
451	Ghế gỗ đỏ	Cái	13	-	-	260.000
452	Ghế gỗ đỏ	Cái	2	-	-	40.000
453	Ghế gỗ hội trường bọc gấm vàng có tay	Cái	7	-	-	140.000
454	Tủ sắt	Cái	2	-	-	600.000
455	Tủ sắt kính	Cái	1	-	-	240.000
456	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
457	Bàn gỗ đỏ	Cái	11	-	-	550.000
458	Bàn gỗ đỏ	Cái	6	-	-	300.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
459	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
460	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	6	-	-	300.000
461	Bàn Xuân Hòa để sắt	Cái	1	-	-	100.000
462	Bàn Xuân Hòa để sắt	Cái	1	-	-	100.000
463	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	3	-	-	60.000
464	Ghế gấp Xuân Hòa	Cái	1	-	-	20.000
465	Ghế gỗ đỏ	Cái	2	-	-	40.000
466	Ghế gỗ đỏ	Cái	17	-	-	340.000
467	Ghế gỗ đỏ	Cái	1	-	-	20.000
468	Hộc gỗ vàng KT: D400xR500xC660	Cái	2	-	-	40.000
469	Tủ kính sắt	Cái	6	-	-	1.440.000
470	Tủ kính sắt	Cái	4	-	-	960.000
471	Tủ sắt	Cái	3	-	-	900.000
472	Tủ sắt 12 cánh nhỏ	Cái	1	-	-	300.000
473	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000
474	Tủ sắt 2 cánh	Cái	3	-	-	900.000
475	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000
476	Tủ sắt kính	Cái	1	-	-	240.000
477	Bàn gỗ đỏ	Cái	6	-	-	300.000
478	Bàn Xuân Hòa để sắt	Cái	1	-	-	100.000
479	Bàn phó phòng vàng KT: D1800xR700xC750 (mm)	Cái	1	-	-	50.000
480	Ghế trưởng phòng nâu	Cái	1	-	-	20.000
481	Ghế gỗ đỏ	Cái	7	-	-	140.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
482	Ghế xoay lưới da màu đen	Cái	1	-	-	20.000
483	Tủ kính sắt	Cái	1	-	-	240.000
484	Bàn bộ phận một cửa	Cái	2	-	-	100.000
485	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
486	Bàn gỗ đỏ	Cái	3	-	-	150.000
487	Bàn gỗ đỏ	Cái	1	-	-	50.000
488	Bàn gỗ hội trường KT D2500xR500xC750	Cái	10	-	-	500.000
489	Bục để tượng Bác Hồ	Cái	1	-	-	50.000
490	Bục phát biểu	Cái	1	-	-	50.000
491	Đôn gỗ	Cái	1	-	-	20.000
492	Đôn gỗ	Cái	10	-	-	200.000
493	Ghế phòng khách	Cái	20	-	-	400.000
494	Ghế gỗ đỏ	Cái	8	-	-	160.000
495	Ghế gỗ đỏ	Cái	3	-	-	60.000
496	Hòm phiếu	Cái	1	-	-	50.000
497	Két sắt Hòa Phát	Cái	1	-	-	600.000
498	Máy hủy tài liệu Comet	Cái	1	-	-	80.000
499	Tranh Tam đảo (2mx5m)	Cái	2	-	-	400.000
500	Tủ kính sắt	Cái	2	-	-	480.000
501	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000
502	Tủ sắt đặc đựng tài liệu (4 cánh 8 ngăn)	Cái	1	-	-	300.000
503	Tủ sắt đặc đựng tài liệu (4 cánh 8 ngăn)	Cái	1	-	-	300.000
504	Tủ sắt kính	Cái	2	-	-	480.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
505	Tượng Bác Hồ	Cái	1	-	-	50.000
506	Tượng Bác Hồ	Cái	1	-	-	50.000
507	Bàn gỗ đỏ	Cái	17	-	-	850.000
508	Bàn gỗ đỏ	Cái	2	-	-	100.000
509	Bàn Xuân Hòa đế sắt	Cái	5	-	-	500.000
510	Bục để tượng Bác Hồ	Cái	1	-	-	50.000
511	Ghế băng INOX	Cái	3	-	-	240.000
512	Ghế gỗ đỏ	Cái	7	-	-	140.000
513	Ghế gỗ đỏ	Cái	7	-	-	140.000
514	Ghế gỗ đỏ	Cái	1	-	-	20.000
515	Giường 1,2m	Cái	2	-	-	140.000
516	Giường 1,2m	Cái	1	-	-	70.000
517	Hòm công đức	Cái	1	-	-	50.000
518	Hòm phiếu	Cái	1	-	-	50.000
519	hòm thư góp ý	Cái	1	-	-	50.000
520	Quạt cây công nghiệp	Cái	1	-	-	30.000
521	Quạt cây điều khiển Mitsubishi	Cái	20	-	-	600.000
522	Quạt cây điều khiển Vinawin	Cái	1	-	-	30.000
523	Rèm gỗ	Cái	7	-	-	280.000
524	Rèm gỗ	Cái	6	-	-	240.000
525	Rèm gỗ	Cái	5	-	-	200.000
526	Rèm gỗ	Cái	5	-	-	200.000
527	Tủ sắt 2 cánh	Cái	1	-	-	300.000

STT	Tài sản thanh lý	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị tài sản thu hồi (đồng)
528	Tủ thuốc	Cái	1	-	-	100.000
	Tổng cộng					73.920.000
Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng./.						